

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2021/HSST**

Ngày: 26/4/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huế.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương và bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Huyền Trang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:** Ông Kiều Anh Mỹ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2021/HSST ngày 10 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HS ngày 09/4/2021, đối với bị cáo:

*Trần Đức Nhật A*, tên gọi khác: Cu Anh; sinh ngày 14/08/1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Số 36/320 đường B, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Đức P, sinh năm 1967 và bà Dương Thị Q, sinh năm 1967; vợ: Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1992; con : Có 01 con 04 tuổi.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ ở với gia đình; học hết lớp 11/12 thì nghỉ học ở nhà cho đến ngày phạm tội.

- Ngày 03/02/2009, bị công an thành phố Huế phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản (Quyết định số 19281/QĐ-XPVPHC);

- Ngày 30/07/2009, bị UBND phường T, thành phố Huế áp dụng biện pháp giáo dục tại phường thời hạn 06 tháng do có hành vi trộm cắp tài sản (Quyết định số 118/QĐ-UB);

- Ngày 03/04/2010, bị Công an phường P, thành phố Huế xử phạt hành chính 100.000 đồng về hành vi trộm cắp (Quyết định số 12122/QĐ-XPVPHC);

- Ngày 08/07/2011, bị TAND thành phố Huế xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 122/2011/HSST);

- Ngày 29/11/2012, bị TAND tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 02 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (Bản án số 195/2012/HSPT);

- Ngày 16/03/2015, bị TAND thành phố Huế xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 42/2015/HSST);

Tiền án: 01.

- Ngày 07/11/2018, bị TAND huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 47/2018/HS-ST), ngày 22/07/2019, chấp hành xong án phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 17/11/2020 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Huế. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

- Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 2002. Địa chỉ: 40/85 đường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- Chị Trần Thị Bảo N, sinh năm 2002. Địa chỉ: 44B đường H, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị Hoàng Thị Mai T, sinh năm 1984. Địa chỉ: 11 đường Đ, phường P, thành phố Huế, vắng mặt.

Anh Trần Văn H, sinh năm 2000. Địa chỉ: 79 đường N, phường P, thành phố Huế, vắng mặt.

Anh Trần Đức L, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Số 2/261 đường Đ, Hương Vinh, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

*Người làm chứng:*

Bà Lê Thị Minh Â, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 122 đường L, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 188 đường L, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 8/70 đường M, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong ngày 13/11/2020, Trần Đức Nhật A đã thực hiện 02 vụ “Cướp giật tài sản” trên địa bàn thành phố Huế, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ 20 phút ngày 13/11/2020, Trần Đức Nhật A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, biển số 75F9-9411 đi trên đường Nguyễn H theo hướng từ đường B đến đường L. Khi đến đoạn đường trước nhà số 117 đường N, phường P, thành phố Huế, Nhật A thấy chị Nguyễn Thị Kiều T đang đi xe

đạp cùng chiều phía trước và cầm điện thoại di động hiệu OPPO A5S màu xanh trên tay. Nhật A nảy sinh ý định chiếm đoạt nên điều khiển xe mô tô đi sát bên trái chị T và nói là cho mượn điện thoại để gọi cho bạn. Chị T đồng ý thì Nhật A đọc 01 số điện thoại giả. Chị T mở mặt khóa máy, bấm số điện thoại rồi giao cho Nhật A. Nhật A giả vờ điện thoại một lúc rồi nói để đi mua thẻ cào trả tiền điện thoại cho chị T. Nói xong thì Nhật A tăng tốc độ xe bỏ chạy. Chị T đạp xe theo nhưng không kịp nên trình báo với cơ quan Công an. Sau đó Nhật A đưa đến tiệm cầm đồ số 102 đường N, thành phố Huế cầm cố cho chị Hoàng Thị Mai T với số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền có được Nhật A tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ cùng ngày, Trần Đức Nhật A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, biển số 75F9-9411 đi trên đường L theo hướng từ cửa Chánh Tây đến cầu Dã Viên. Khi đến đoạn đường trước số nhà 293 đường L, phường P, thành phố Huế thì nhìn thấy chị Trần Thị Bảo N đang đi xe đạp điện cùng chiều phía trước. Trần Đức Nhật A điều khiển xe đi song song phía bên tay trái chị N rồi hỏi mượn điện thoại để gọi điện thoại cho bạn. Chị N lấy điện thoại Iphone 6s cho mượn thì Trần Đức Nhật A giả vờ gọi điện thoại rồi nói chị N đi cùng, đến gần cầu Dã Viên do có người đang đợi ở đó, mượn điện thoại để liên lạc. Khi đi được một đoạn ngắn thì Nhật A tăng tốc độ xe bỏ chạy. Sau đó, Nhật A mang điện thoại đến bán cho anh Trần Văn H tại cửa hàng điện thoại di động số 79 đường N, thành phố Huế với giá 650.000 đồng. Anh H bán lại cho anh Trần Đức L với giá 700.000 đồng. Do anh L đã làm mất điện thoại đã mua nên không thu hồi được. Số tiền có được Nhật A đã tiêu xài cá nhân hết.

*Vật chứng thu giữ:*

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu xanh, số Imei1: 865222046378513, số Imei2: 865222046378505, máy đã cũ và qua sử dụng, có ộp trong suốt bằng nhựa.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, màu xanh, biển số 75F-9411, số máy: DGE100-0904892, số khung: PCG0011M-004892, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 246/KL-HĐĐGTS ngày 17/11/2020 và 31/KL-HĐĐGTS ngày 12/01/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Huế kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu xanh, số Imei1: 865222046378513, số Imei2: 865222046378505 có giá trị 2.300.000 đồng; Định giá qua hồ sơ 01 điện thoại di động Iphone 6s, màu bạc, máy đã qua sử dụng trị giá 700.000 đồng.

*Về xử lý vật chứng:*

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu xanh cho chị Nguyễn Thị Kiều T.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, màu xanh, biển kiểm soát 75F-9411 tiếp tục tạm giữ để phục vụ truy tố xét xử.

*Về trách nhiệm dân sự:* Chị Nguyễn Thị Kiều T không có yêu cầu; Chị Trần Thị Bảo N yêu cầu Trần Đức Nhật A bồi thường số tiền 1.500.000 đồng đối với tài sản mà Trần Đức Nhật A đã chiếm đoạt. Chị Hoàng Thị Mai T yêu cầu Trần Đức

Nhật A bồi thường số tiền 1.500.000 đồng đã đưa cho Trần Đức Nhật A khi cầm cố điện thoại. Hiện Trần Đức Nhật A chưa bồi thường.

Đối với chị Hoàng Thị Mai T, anh Trần Văn H khi mua điện thoại không biết là do Trần Đức Nhật A phạm tội mà có nên không xem xét xử lý, Cơ quan điều tra công an thành phố Huế đã nhắc nhở rút kinh nghiệm.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Đức Nhật A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 08/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Trần Đức Nhật A về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Đức Nhật A từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù;

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu xanh cho chị Nguyễn Thị Kiều T nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, màu xanh, biển kiểm soát 75F-9411 thuộc sở hữu của bị cáo, đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng điều 48, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị Bảo N số tiền 1.500.000 đồng; bồi thường cho chị Hoàng Thị Mai T số tiền 1.500.000 đồng .

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Đức Nhật A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 12 giờ ngày 13/11/2020, tại đoạn đường trước số nhà 117 đường N, phường P, thành phố Huế, Trần Đức Nhật A đã cướp giật của chị Nguyễn Thị Kiều T 01 điện thoại di động hiệu Oppo 5AS màu xanh, có giá trị 2.300.000 đồng.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, tại đoạn đường trước số nhà 293 đường L, phường P, thành phố Huế, Trần Đức Nhật A đã cướp giật của chị Trần Thị Bảo N 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s, màu bạc có giá trị 700.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Trần Đức Nhật A cướp giật điện thoại của chị Nguyễn Thị Kiều T và chị Trần Thị Bảo N có giá trị tổng cộng là 3.000.000 đồng đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Trần Đức Nhật A về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên, tái phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Quá trình thực hiện tội phạm có sự chuẩn bị phương thức, thủ đoạn để thực hiện tội phạm; bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án nhưng không cố gắng cải tạo lại tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật, do đó cần phải xử lý bị cáo nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, giúp bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và yên tâm cải tạo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại là đúng pháp luật, tại phiên tòa không có ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô, nhãn hiệu DAEHAN, màu xanh, biển kiểm soát 75F-9411, quá trình điều tra có cơ sở xác định thuộc sở hữu của bị cáo, là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại là chị Nguyễn Thị Kiều T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét; Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho chị Trần Thị Bảo N số tiền 1.500.000 đồng; Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Hoàng Thị Mai T số tiền 1.500.000 đồng.

[8] Đối với chị Hoàng Thị Mai T, anh Trần Văn H có hành mua bán điện thoại của bị cáo nhưng không biết điện thoại do bị cáo chiếm đoạt nên không có cơ sở xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; việc chị Trâm, anh H mua bán điện thoại nhưng không có giấy tờ sở hữu nên đã bị Công an thành phố Huế nhắc nhở rút kinh nghiệm là đúng pháp luật.

[9] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí dân sự là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 171; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức Nhật A phạm tội “Cướp giật tài sản”.

*Xử phạt:* Trần Đức Nhật A 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 17/11/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho chị Trần Thị Bảo N số tiền 1.500.000 đồng; Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Hoàng Thị Mai T số tiền 1.500.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố:

- Sung công quỹ Nhà nước xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, màu xanh, biển số 75F-9411, thuộc sở hữu của bị cáo Trần Đức Nhật A.

(Vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2021 giữa cơ quan điều tra công an thành phố Huế và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế).

**4.** Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Đức Nhật A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV06 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Huế**

Tóm lại, tình tiết "*Phạm tội nhiều lần*" bao gồm năm nội dung sau:

1. Phạm tội nhiều lần là người phạm tội đã thực hiện từ hai hành vi phạm tội trở lên, tác động đến cùng một đối tượng hoặc nhiều đối tượng khác nhau
2. Nếu tách ra từng hành vi phạm tội riêng lẻ thì mỗi hành vi ấy đã đủ các yếu tố cấu thành một tội phạm độc lập.
3. Tất cả các hành vi phạm tội đó đều được quy định tại một điều luật cụ thể trong phần riêng BLHS, có thể cùng một khoản, có thể phạm tội ở các khoản khác nhau của cùng một điều luật.
4. Các hành vi phạm tội đó chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.
5. Nếu điều luật có quy định về giá trị tài sản hoặc thiệt hại về tài sản thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng giá trị tài sản của các lần phạm tội cộng lại.